

Số: 4316 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 21 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ một số lô đất ở thuộc đồ án
Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh
thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh về Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 06/03/2023, Quyết định số 3942/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 2037/UBND-KT ngày 07/04/2023 của UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Diêm Vân và Khu tái định cư Quảng Vân để thực hiện giao đất tái định cư.

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 342/TTr-SXD ngày 17/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch một số lô đất ở thuộc đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, huyện Tuy Phước để giao đất tái định cư cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân. Chi tiết theo Bảng thống kê dưới đây:

STT	Loại đất	Theo QĐ số 646/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 của UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
1	Đất ở tái định cư 1	NO-TDC1		NO-TDC1	
		Lô số 10	80	Lô số 11ĐC	160
		Lô số 11	80		
		Lô số 12	80	Lô số 13ĐC	160
		Lô số 13	80		
		Lô số 14	80	Lô số 15ĐC	160
		Lô số 15	80		
		Lô số 16	80	Lô số 17ĐC	160
		Lô số 17	80		
		Lô số 18	80	Lô số 19ĐC	160
		Lô số 19	80		
		Lô số 22	80	Lô số 23ĐC	160
		Lô số 23	80		
		Lô số 24	80	Lô số 25ĐC	160
		Lô số 25	80		
		Lô số 26	80	Lô số 27ĐC	160
		Lô số 27	80		
		Lô số 28	80	Lô số 29ĐC	160
		Lô số 29	80		
		Lô số 30	80	Lô số 31ĐC	160
		Lô số 31	80		
	Tổng	20	1.600	10	1.600
2	Đất ở tái định cư 2	NO-TDC2		NO-TDC2	
		Lô số 10	80	Lô số 11ĐC	160
		Lô số 11	80		
		Lô số 12	80	Lô số 13ĐC	160
		Lô số 13	80		
		Lô số 14	80	Lô số 15ĐC	160
		Lô số 15	80		
		Lô số 16	80	Lô số 17ĐC	160
		Lô số 17	80		
		Lô số 18	80	Lô số 19ĐC	160
		Lô số 19	80		
		Lô số 22	80	Lô số 23ĐC	160
		Lô số 23	80		
		Lô số 24	80	Lô số 25ĐC	160

STT	Loại đất	Theo QĐ số 646/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 của UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
		Lô số 25	80		
		Lô số 26	80	Lô số 27ĐC	160
		Lô số 27	80		
		Lô số 28	80	Lô số 29ĐC	160
		Lô số 29	80		
		Lô số 30	80	Lô số 31ĐC	160
		Lô số 31	80		
	Tổng	20	1.600	10	1.600
3	Đất ở tái định cư 3A	NO-TDC3A		NO-TDC3A	
		Lô số 2	80	Lô số 3ĐC	160
		Lô số 3	80		
		Lô số 4	80	Lô số 5ĐC	160
		Lô số 5	80		
		Lô số 6	80	Lô số 7ĐC	160
		Lô số 7	80		
		Lô số 8	80	Lô số 9ĐC	160
		Lô số 9	80		
		Lô số 10	80	Lô số 11ĐC	160
		Lô số 11	80		
		Lô số 13	80	Lô số 13ĐC	160
		Lô số 14	80		
		Lô số 15	80	Lô số 15ĐC	160
		Lô số 16	80		
		Lô số 17	80	Lô số 17ĐC	160
		Lô số 18	80		
		Lô số 19	80	Lô số 19ĐC	160
		Lô số 20	80		
		Lô số 21	80	Lô số 21ĐC	160
		Lô số 22	80		
		Lô số 23	80	Lô số 23ĐC	160
		Lô số 24	80		
		Lô số 25	80	Lô số 25ĐC	160
		Lô số 26	80		
		Lô số 28	80	Lô số 29ĐC	160
		Lô số 29	80		
		Lô số 30	80	Lô số 31ĐC	160
		Lô số 31	80		
	Tổng	28	2.240	14	2.240

STT	Loại đất	Theo QĐ số 646/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 của UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
	Đất ở tái định cư 3B	NO-TDC3B		NO-TDC3B	
		Lô số 1	80	Lô số 1ĐC	160
		Lô số 2	80		
		Lô số 3	80	Lô số 3ĐC	160
		Lô số 4	80		
		Lô số 5	80	Lô số 5ĐC	160
		Lô số 6	80		
		Lô số 11	80	Lô số 11ĐC	160
		Lô số 12	80		
		Lô số 13	80	Lô số 13ĐC	160
		Lô số 14	80		
		Lô số 17	80	Lô số 17ĐC	160
		Lô số 18	80		
		Lô số 19	80	Lô số 19ĐC	160
		Lô số 20	80		
		Lô số 21	80	Lô số 21ĐC	160
		Lô số 22	80		
		Lô số 23	80	Lô số 23ĐC	160
		Lô số 24	80		
		Lô số 25	80	Lô số 25ĐC	160
		Lô số 26	80		
		Lô số 27	80	Lô số 27ĐC	160
		Lô số 28	80		
		Lô số 29	80	Lô số 29ĐC	160
		Lô số 30	80		
	Tổng	24	1.920	12	1.920
4	Đất ở tái định cư 4A	NO - TDC4A		NO - TDC4A	
		Lô số 3	80	Lô số 3ĐC	160
		Lô số 4	80		
		Lô số 5	80	Lô số 5ĐC	160
		Lô số 6	80		
		Lô số 7	80	Lô số 7ĐC	160
		Lô số 8	80		
		Lô số 9	80	Lô số 9ĐC	160
		Lô số 10	80		
		Lô số 11	80	Lô số 11ĐC	160
		Lô số 12	80		
		Lô số 13	80	Lô số 13ĐC	160

STT	Loại đất	Theo QĐ số 646/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 của UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
		Lô số 14	80		
		Lô số 15	80	Lô số 15ĐC	160
		Lô số 16	80		
		Lô số 17	80	Lô số 17ĐC	160
		Lô số 18	80		
		Lô số 19	80	Lô số 19ĐC	160
		Lô số 20	80		
		Lô số 21	80	Lô số 21ĐC	160
		Lô số 22	80		
		Lô số 23	80	Lô số 23ĐC	160
		Lô số 24	80		
		Lô số 25	80	Lô số 25ĐC	160
		Lô số 26	80		
		Lô số 27	80	Lô số 27ĐC	160
		Lô số 28	80		
		Lô số 29	80	Lô số 29ĐC	160
		Lô số 30	80		
	Tổng	28	2.240	14	2.240
	Đất ở tái định cư 4B	NO - TDC4B		NO - TDC4B	
		Lô số 1	80	Lô số 1ĐC	160
		Lô số 2	80		
		Lô số 3	80	Lô số 3ĐC	160
		Lô số 4	80		
		Lô số 5	80	Lô số 5ĐC	160
		Lô số 6	80		
		Lô số 7	80	Lô số 7ĐC	160
		Lô số 8	80		
		Lô số 9	80	Lô số 9ĐC	160
		Lô số 10	80		
		Lô số 11	80	Lô số 11ĐC	160
		Lô số 12	80		
		Lô số 13	80	Lô số 13ĐC	160
		Lô số 14	80		
		Lô số 17	80	Lô số 17ĐC	160
		Lô số 18	80		
		Lô số 19	80	Lô số 19ĐC	160
		Lô số 20	80		
		Lô số 21	80	Lô số 21ĐC	160
		Lô số 22	80		

STT	Loại đất	Theo QĐ số 646/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 của UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
		Lô số 23	80	Lô số 23ĐC	160
		Lô số 24	80		
		Lô số 25	80	Lô số 25ĐC	160
		Lô số 26	80		
		Lô số 27	80	Lô số 27ĐC	160
		Lô số 28	80		
		Lô số 29	80	Lô số 29ĐC	160
		Lô số 30	80		
	Tổng	28	2.240	14	2.240
5	Đất ở tái định cư 5A	NO - TDC5A		NO - TDC5A	
		Lô số 26	100,00	Lô số 27ĐC	200,00
		Lô số 27	100,00		
	Tổng	2	200,00	1	200,00
6	Đất ở tái định cư 6A	NO - TDC6A		NO - TDC6A	
		Lô số 8	100	Lô số 9ĐC	200
		Lô số 9	100		
		Lô số 10	100	Lô số 11ĐC	200
		Lô số 11	100		
		Lô số 12	100	Lô số 13ĐC	200
		Lô số 13	100		
		Lô số 16	100	Lô số 17ĐC	200
		Lô số 17	100		
		Lô số 18	100	Lô số 19ĐC	200
		Lô số 19	100		
		Lô số 20	100	Lô số 21ĐC	200
		Lô số 21	100		
	Tổng	12	1.200	6	1.200
	Đất ở tái định cư 6B	NO - TDC6B		NO - TDC6B	
		Lô số 1	100	Lô số 1ĐC	200
		Lô số 2	100		
		Lô số 3	100	Lô số 3ĐC	200
		Lô số 4	100		
		Lô số 7	100	Lô số 7ĐC	200
		Lô số 8	100		
		Lô số 9	100	Lô số 9ĐC	200
		Lô số 10	100		
		Lô số 19	100	Lô số 19ĐC	200
		Lô số 20	100		

STT	Loại đất	Theo QĐ số 646/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 của UBND tỉnh		Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch	
		Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Ký hiệu	Diện tích (m ²)
		Lô số 21	100	Lô số 21ĐC	200
		Lô số 22	100		
	Tổng	12	1.200	6	1.200
	Tổng cộng	174	14.440	87	14.440

Điều 2. Giao các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Tuy Phước và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đối với quy hoạch điều chỉnh được duyệt, tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1138/QĐ-UBND ngày 31/03/2020, Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 06/03/2023 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVPKT;
- Lưu: VT, K10, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng